



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 4103005552 ngày 15 tháng 11 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh số 4103005552 ngày 14 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Kinh doanh 23/UBCK-GPHDKD ngày 1 tháng 12 năm 2006
Chứng khoán số 869/QĐ-UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2006
376/QĐ-UBCK ngày 22 tháng 6 năm 2007
491/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2007
86/UBCK-GPĐCCTCK ngày 2 tháng 11 năm 2007
730/QĐ-UBCK ngày 10 tháng 11 năm 2007
653/QĐ-UBCK ngày 26 tháng 11 năm 2007
190/QĐ-UBCK ngày 17 tháng 3 năm 2008
515/QĐ-UBCK ngày 6 tháng 8 năm 2008
153/UBCK-GP ngày 5 tháng 9 năm 2008
185/UBCK-GP ngày 25 tháng 1 năm 2009
234/UBCK-GP ngày 28 tháng 4 năm 2009
293/UBCK-GP ngày 12 tháng 1 năm 2010

Giấy phép Kinh doanh Chứng khoán đầu tiên và các giấy phép
điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị Ông Ting Kwang – Chin Albert Chủ tịch
Bà Trần Thị Quỳnh Mai Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Hồng Mai Thành viên
Ông Chang Hisao – Wei Harvey Thành viên
Ông Hsien – Chih Chiu Thành viên (từ ngày 8 tháng 4 năm 2010)

Tổng Giám đốc Ông Cheng Chang Chong

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính

Lầu 5, Tòa nhà Lawrence S.Ting
Số 801 Nguyễn Văn Linh
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Tú Xương

Số 8 Tú Xương
Phường 7, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Đồng Khởi

Số 2 Đồng Khởi
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội

3B Đặng Thái Thân
Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội
Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2 – 18 Trần Hưng Đạo
Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 17 tháng 2 năm 2011. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 10-01-188



Chang Hung Chun
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 2 năm 2011

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		555.574.599.561	423.138.224.678
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	172.152.325.449	253.724.180.373
Tiền	111		34.922.978.263	62.214.805.373
Các khoản tương đương tiền	112		137.229.347.186	191.509.375.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	21.627.441.217	5.493.399.531
Đầu tư ngắn hạn	121		22.949.888.476	6.025.747.798
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.322.447.259)	(532.348.267)
III. Các khoản phải thu – ngắn hạn	130		359.632.202.630	160.369.769.115
Phải thu từ khách hàng	131		-	9.242.500
Trả trước cho người bán	132		294.791.566	2.004.021.667
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6	353.024.133.585	155.655.559.344
Các khoản phải thu khác	138	7	9.313.277.479	2.700.945.604
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6	(3.000.000.000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.162.630.265	3.550.875.659
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.791.649.037	3.105.313.958
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		46.635.410	36.813.000
Tài sản ngắn hạn khác	158		324.345.818	408.748.701
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.667.634.440	50.050.766.094
II. Tài sản cố định	220		40.362.727.618	25.454.930.139
Tài sản cố định hữu hình	221	8	27.731.822.071	19.761.786.240
Nguyên giá	222		40.826.276.845	26.773.193.680
Khấu hao lũy kế	223		(13.094.454.774)	(7.011.407.440)
Tài sản cố định vô hình	227	9	10.232.068.047	5.693.143.899
Nguyên giá	228		13.233.172.225	6.915.303.475
Phân bổ lũy kế	229		(3.001.104.178)	(1.222.159.576)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	2.398.837.500	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	7.515.147.995	11.096.240.000
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		15.015.147.995	18.895.775.079
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(7.500.000.000)	(7.799.535.079)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.789.758.827	13.499.595.955
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	265.638.080	743.132.426
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	750.000.000	8.266.480.372
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	13	1.905.935.767	772.010.002
Tài sản dài hạn khác	268	14	3.868.184.980	3.717.973.155
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		610.242.234.001	473.188.990.772
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		307.702.268.362	363.282.115.160
I. Nợ ngắn hạn	310		306.619.043.362	362.967.777.045
Vay và nợ ngắn hạn	311	15	162.600.000.000	-
Phải trả người bán	312		247.048.336	79.481.649
Người mua trả tiền trước	313		535.910.000	181.277.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	2.820.658.399	144.783.417
Chi phí phải trả	316	17	6.450.981.703	2.863.851.602
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	18	128.846.454.337	189.867.031.954
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		25.898.855	3.415.580.056
Các khoản phải trả, phải nộp khác	328	19	5.092.091.732	166.415.770.867
II. Nợ dài hạn	330		1.083.225.000	314.338.115
Phải trả dài hạn khác	333		52.800.000	123.108.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		1.030.425.000	191.230.115
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		302.539.965.639	109.906.875.612
I. Vốn chủ sở hữu	410		302.539.965.639	109.906.875.612
Vốn cổ phần	411	20	300.000.000.000	135.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	417	21	2.033.547.307	651.892.806
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	-	651.892.806
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	420		506.418.332	(26.396.910.000)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		610.242.234.001	473.188.990.772

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			
6. Chứng khoán lưu ký	006	696.925.300.000	368.057.570.000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	661.446.350.000	358.834.690.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	5.465.770.000	-
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	612.151.250.000	331.731.620.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	43.829.330.000	27.103.070.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	3.211.650.000	5.518.160.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	3.211.650.000	5.518.160.000
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	-	3.704.720.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	-	3.704.720.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	32.267.300.000	-
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		100.000.000	-
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	32.005.900.000	-
6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	161.400.000	-
7. Chứng khoán lưu ký của các công ty đại chúng chưa niêm yết	050	27.163.190.000	-
Trong đó:			
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	25.833.250.000	-
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	25.833.250.000	-
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	1.329.940.000	-
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	1.329.940.000	-

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Thùy
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cheng Chàng Chong
 Tổng Giám đốc

17 FEB 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

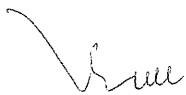
	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Doanh thu	01		143.377.982.426	62.745.381.190
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu môi giới chứng khoán	01.1		35.052.063.773	33.327.838.621
Doanh thu đầu tư chứng khoán	01.2		47.021.371.658	13.045.931.171
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	1.100.000
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		2.363.000.000	333.760.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		23.582.000	4.100.000
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		1.666.650	-
Doanh thu về vốn kinh doanh	01.9	22	58.916.298.345	16.032.651.398
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		143.377.982.426	62.745.381.190
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	23	(78.937.851.666)	(39.245.496.475)
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		64.440.130.760	23.499.884.715
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	(29.013.250.947)	(19.785.924.630)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.426.879.813	3.713.960.085
Thu nhập khác	31		1.778.828.619	1.046.693.175
Chi phí khác	32		(175.684.433)	(24.354.743)
Lợi nhuận khác	40		1.603.144.186	1.022.338.432
Lợi nhuận trước thuế	50		37.030.023.999	4.736.298.517
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	(1.880.453.600)	-
(Chi phí)/lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	25	(7.516.480.372)	8.266.480.372
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		27.633.090.027	13.002.778.889

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

	Mã Thuyết số minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lãi trên cổ phiếu	70 26		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		938	1.054
Lãi suy giảm trên cổ phiếu		938	451

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Thùy
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phùng Chang Chong
 Tổng Giám đốc

17 FEB 2011

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010



	Vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối/(Lỗ lũy kế) VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	100.000.000.000	1.754.000	1.754.000	(38.099.411.277)	61.904.096.723
Phát hành vốn cổ phần	35.000.000.000	-	-	-	35.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	13.002.778.889	13.002.778.889
Phân bổ vào các quỹ	-	650.138.806	650.138.806	(1.300.277.612)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	135.000.000.000	651.892.806	651.892.806	(26.396.910.000)	109.906.875.612
Phát hành vốn cổ phần	165.000.000.000	-	-	-	165.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	27.633.090.027	27.633.090.027
Phân bổ vào các quỹ	-	1.381.654.501	-	(1.381.654.501)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	(651.892.806)	651.892.806	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	300.000.000.000	2.033.547.307	-	506.418.332	302.539.965.639

Người lập:



Nguyễn Thị Ngọc Thùy
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Cheng Chang Chong
Tổng Giám đốc

17 FEB 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã số	2010 VNĐ	2009 VNĐ
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	37.030.023.999	4.736.298.517
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	8.016.564.662	5.436.313.196
Các khoản dự phòng	03	3.490.563.913	(4.795.965.524)
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05	(38.737.187.883)	(4.731.368.061)
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(58.916.298.345)	(16.032.651.398)
Chi phí lãi vay	06	10.019.207.046	-
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		(39.097.126.608)	(15.387.373.270)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(193.659.547.832)	(154.359.781.950)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	(56.667.507.314)	325.992.060.040
Biến động các khoản trả trước và ký quỹ	12	507.021.677	(2.313.666.413)
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.412.000.130)	-
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động kinh doanh	20	(297.329.160.207)	153.931.238.407
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(23.111.734.440)	(8.335.679.634)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	24	220.804.944.000	201.199.220.715
Tiền chi cho các khoản đầu tư	25	(195.325.398.752)	(183.812.864.373)
Lãi tiền gửi và cổ tức đã nhận	27	50.789.494.475	15.335.728.537
Tiền thuần thu từ hoạt động đầu tư	50	53.157.305.283	24.386.405.245

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	2010 VNĐ	2009 VNĐ
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	35.000.000.000
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	1.001.849.900.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(839.249.900.000)	-
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40	162.600.000.000	35.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(81.571.854.924)	213.317.643.652
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	253.724.180.373	40.406.536.721
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 3)	70	172.152.325.449	253.724.180.373

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Kết chuyển từ các khoản phải trả khác sang vốn cổ phần	165.000.000.000	-

Người lập:

Thùy

Nguyễn Thị Ngọc Thùy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Chang
Chang Chang Chong
Tổng Giám đốc

17 FEB 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 348 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 281 nhân viên).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 9 tháng 6 năm 2010.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.*

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

(e) Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn

(i) Phân loại

Công ty phân loại các cổ phiếu niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.

Chứng khoán đầu tư dài hạn là những chứng khoán vốn được nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận các chứng khoán thương mại và các chứng khoán đầu tư dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (ngày giao dịch).

(iii) Đánh giá

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán tham khảo theo giá đóng cửa chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chứng khoán đầu tư dài hạn chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán.

Chứng khoán đầu tư dài hạn không được tự do mua bán trên thị trường, được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của ban giám đốc. Ban giám đốc xác định giá trị của khoản dự phòng giảm giá sau khi xem xét nguyên giá, điều kiện của thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và dòng tiền sự kiện.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền tệ từ các khoản đầu tư đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu nợ khó đòi.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- chi phí nâng cấp văn phòng 5 năm
- thiết bị văn phòng 5 - 7 năm
- đồ đạc và trang bị văn phòng 3 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình chủ yếu bao gồm phần mềm vi tính. Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 7 năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và phần mềm vi tính chưa được hoàn thành hay chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

(k) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(o) Quỹ dự trữ pháp định

Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần được phân phối từ lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ này là dùng để bổ sung vốn cổ phần.

Quỹ dự phòng tài chính được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và dùng để bù đắp cho khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Quỹ dự phòng này và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần được trích lập theo quy định của pháp luật và không được phép phân phối.

(p) Doanh thu

(i) *Doanh thu từ môi giới chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(ii) *Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với các chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

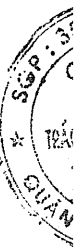
(iii) *Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành các giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên công việc thực hiện.

(iv) *Doanh thu về vốn kinh doanh*

Doanh thu về vốn kinh doanh chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại ngân hàng và các khoản tạm ứng cho khách hàng. Doanh thu về vốn kinh doanh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)



(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được thiết lập.

(q) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(r) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động như một bộ phận.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(w) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh liên quan của báo cáo tài chính.

(x) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	54.988.922	732.913
Tiền gửi ngân hàng	34.867.989.341	62.214.072.460
Các khoản tương đương tiền	137.229.347.186	191.509.375.000
	<hr/>	<hr/>
	172.152.325.449	253.724.180.373
	<hr/>	<hr/>

Không có tiền và các khoản tương đương tiền khác VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và 2009.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Cửa Công ty chứng khoán		
Cổ phiếu	8.982.046	285.129.793.162
Trái phiếu	66.000	6.019.266.000
Chứng khoán khác	80.000	1.100.685.000
b) Cửa nhà đầu tư/ khách hàng		
Cổ phiếu	497.220.090	13.694.752.414.838
Trái phiếu	66.000	6.019.266.000
Chứng khoán khác	1.662.140	10.339.099.000
	508.076.276	14.003.360.524.000

5. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiết các chứng khoán được nắm giữ bởi Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán VNĐ	So sánh với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường VNĐ
			Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	
Chứng khoán thương mại	628.341	22.949.888.476	219.200.161	(1.322.447.259)	21.846.641.378
Chứng khoán đầu tư					
Chứng khoán sẵn sàng để bán	522.440	15.015.147.995	-	(7.500.000.000)	7.515.147.995
	1.150.781	37.965.036.471	219.200.161	(8.822.447.259)	29.361.789.373

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại trong năm như sau:

	2010	2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	532.348.267	5.470.527.301
Tăng dự phòng trong năm	790.098.992	532.348.267
Hoàn nhập trong năm	-	(5.470.527.301)
Số dư cuối năm	1.322.447.259	532.348.267

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2010	2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.799.535.079	7.500.000.000
Tăng dự phòng trong năm	702.115.000	958.532.385
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.001.650.079)	(658.997.306)
Số dư cuối năm	7.500.000.000	7.799.535.079

6. Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải thu từ các Sở Giao dịch Chứng khoán	337.304.001	25.239.875.000
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán (i)	352.686.829.584	129.906.106.401
Phải thu khác	-	509.577.943
	353.024.133.585	155.655.559.344

(i) Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán được hưởng lãi suất từ 0,03% đến 0,05% và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 60 ngày.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2010	2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	600.230.320
Tăng dự phòng trong năm	3.000.000.000	-
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(442.909.751)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(157.320.569)
Số dư cuối năm	3.000.000.000	-

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Lãi phải thu	9.225.228.071	696.922.861
Phải thu từ nhân viên	67.599.408	1.413.325.869
Phải thu khác	20.450.000	590.696.874
	9.313.277.479	2.700.945.604

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Chi phí nâng cấp văn phòng	Thiết bị văn phòng	Đồ đạc và trang bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	9.380.407.669	16.827.162.642	565.623.369	26.773.193.680
Tăng trong năm	1.807.142.376	12.587.885.814	-	14.395.028.190
Xóa sổ	-	(229.831.020)	-	(229.831.020)
Thanh lý	-	(31.477.944)	(80.636.061)	(112.114.005)
Phân loại lại	254.265.750	(254.265.750)	-	-
Số dư cuối năm	11.441.815.795	28.899.473.742	484.987.308	40.826.276.845
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu năm	1.914.034.101	4.818.638.729	278.734.610	7.011.407.440
Khấu hao trong năm	1.946.521.637	4.131.373.903	159.724.520	6.237.620.060
Xóa sổ	-	(93.579.153)	-	(93.579.153)
Thanh lý	-	(14.370.324)	(46.623.249)	(60.993.573)
Phân loại lại	25.426.575	(25.426.575)	-	-
Số dư cuối năm	3.885.982.313	8.816.636.580	391.835.881	13.094.454.774
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	7.466.373.568	12.008.523.913	286.888.759	19.761.786.240
Số dư cuối năm	7.555.833.482	20.082.837.162	93.151.427	27.731.822.071

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	6.915.303.475
Tăng trong năm	6.317.868.750
	<hr/>
Số dư cuối năm	13.233.172.225
	<hr/>
Phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	1.222.159.576
Phân bổ trong năm	1.778.944.602
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.001.104.178
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	5.693.143.899
Số dư cuối năm	10.232.068.047
	<hr/> <hr/>

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình có số tài sản trị giá 232 triệu VNĐ được phân bổ hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: Không), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	-	2.818.938.000
Tăng trong năm	2.398.837.500	-
Chuyển sang tài sản cố định	-	(2.818.938.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.398.837.500	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	743.132.426	702.530.804
Tăng trong năm	7.440.000	779.587.552
Phân bổ trong năm	(484.934.346)	(738.985.930)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	265.638.080	743.132.426
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	750.000.000	-
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	-	8.266.480.372
	<hr/>	<hr/>
	750.000.000	8.266.480.372
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

13. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	1.905.935.767	772.010.002
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Khoản tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán phản ánh khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Theo Quyết định số 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định số 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005, do Bộ Tài chính ban hành, Công ty phải ký quỹ khoản tiền ban đầu là 120 triệu VNĐ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,008% trên tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	772.010.002	462.847.807
Tăng trong năm	1.116.493.742	295.813.599
Tiền lãi trong năm	17.432.023	13.348.596
Số dư cuối năm	1.905.935.767	772.010.002

14. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và căn hộ	3.868.184.980	3.717.973.155

15. Vay ngắn hạn

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Các khoản vay ngắn hạn từ		
▪ Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (i)	46.500.000.000	-
▪ Ngân hàng Indovina (ii)	31.600.000.000	-
▪ Ngân hàng Taipei Fubon Bank – Chi nhánh phụ TP HCM (iii)	15.000.000.000	-
▪ Ngân hàng Hua Nan Bank – Chi nhánh TP HCM (iv)	10.000.000.000	-
▪ Ngân hàng Phương Đông – Chi nhánh TP HCM (v)	9.500.000.000	-
Trái phiếu phát hành ngắn hạn (vi)	50.000.000.000	-
Tổng cộng	162.600.000.000	-

STT	Chi tiết	Tài sản đảm bảo	Điều khoản	Lãi suất năm
1	Khoản vay (i)	Không được đảm bảo	30 ngày kể từ ngày rút vốn	15-16%
2	Khoản vay (ii)	Không được đảm bảo	28 ngày kể từ ngày rút vốn	12%
3	Khoản vay (iii)	Không được đảm bảo	32 ngày kể từ ngày rút vốn	15%
4	Khoản vay (iv)	Không được đảm bảo	58 ngày kể từ ngày rút vốn	14.15%
5	Khoản vay (v)	Không được đảm bảo	31 ngày kể từ ngày rút vốn	16%

(vi) Các trái phiếu này có thời hạn một năm (ngày đáo hạn là ngày 10 tháng 5 năm 2011) và chịu lãi suất năm là 15%.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế thu nhập cá nhân	940.204.799	144.783.417
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.880.453.600	-
	<hr/>	<hr/>
	2.820.658.399	144.783.417
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

17. Chi phí phải trả

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Chi phí nhân viên	2.073.731.000	1.331.010.825
Chi phí tư vấn	270.000.000	156.000.000
Chi phí giao dịch chứng khoán	520.411.629	364.745.418
Chi phí thuê	46.540.000	190.788.048
Tiền hoa hồng	444.593.808	181.314.900
Chi phí lãi vay	1.607.206.916	-
Chi phí khác	1.488.498.350	639.992.411
	<hr/>	<hr/>
	6.450.981.703	2.863.851.602
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

18. Phải trả cho các hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải trả cho các Sở Giao dịch Chứng khoán	9.519.330.584	-
Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	58.157.504.000	117.601.463.421
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng (i)	61.169.619.753	72.265.568.533
	<hr/>	<hr/>
	128.846.454.337	189.867.031.954
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(i) Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng phản ánh khoản tiền gửi của khách hàng phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền tạm ứng từ các cổ đông mua cổ phần	-	165.000.000.000
Phải trả cho Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán An Phúc	3.750.000.000	-
Tiền tạm ứng từ khách hàng cho việc mua hộ chứng khoán	1.109.605.000	1.319.200.000
Phải trả khác	232.486.732	96.570.867
	5.092.091.732	166.415.770.867

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.000.000	300.000.000.000	13.500.000	135.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000	13.500.000	135.000.000.000
Cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000	13.500.000	135.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại. Các cổ phiếu được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“SGDCKHN”).

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010		2009	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	13.500.000	135.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	16.500.000	165.000.000.000	3.500.000	35.000.000.000
Số dư cuối năm	30.000.000	300.000.000.000	13.500.000	135.000.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

21. Quỹ dự trữ pháp định

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài Chính ban hành, công ty phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

Trong năm Ban giám đốc đã quyết định sử dụng quỹ dự phòng tài chính để bù đắp cho lỗ lũy kế.

22. Doanh thu về vốn kinh doanh

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Thu nhập tiền lãi từ		
▪ Tiền gửi tại ngân hàng	15.735.634.971	10.843.573.519
▪ Tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	43.032.719.121	5.183.994.509
▪ Khác	147.944.253	5.083.370
	<hr/>	<hr/>
	58.916.298.345	16.032.651.398
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

23. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Chi phí môi giới chứng khoán	4.140.345.975	3.611.284.081
Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại	790.098.992	(4.938.179.034)
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	(299.535.079)	299.535.079
Chi phí giao dịch chứng khoán	8.091.452.641	7.825.020.299
Chi phí lưu ký chứng khoán	413.524.467	115.790.853
Chi phí nhân sự trực tiếp	21.548.972.683	10.740.345.083
Chi phí hoa hồng	2.675.856.341	2.277.859.944
Chi phí công cụ và dụng cụ	1.006.132.494	301.900.439
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	5.787.309.484	3.371.238.761
Chi phí thuê văn phòng	12.708.414.310	7.924.037.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.089.367.496	6.449.618.223
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.000.000.000	(157.320.569)
Chi phí lãi cho tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	4.884.422.805	1.323.333.074
Chi phí lãi vay từ ngân hàng	4.092.354.560	-
Chi phí lãi vay từ trái phiếu ngắn hạn	1.042.429.681	-
Chi phí khác	966.704.816	101.032.763
	<hr/>	<hr/>
	78.937.851.666	39.245.496.475
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	14.701.207.220	10.237.476.684
Chi phí thuê văn phòng	4.395.863.130	3.299.327.826
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.746.769.098	4.525.032.911
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	2.229.255.178	1.326.088.505
Thuế và lệ phí	16.595.752	127.843.196
Chi phí khác	1.923.560.569	270.155.508
	<hr/>	<hr/>
	29.013.250.947	19.785.924.630
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

25. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	1.880.453.600	-
	<hr/>	<hr/>
	1.880.453.600	-
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(750.000.000)	-
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	-	(8.266.480.372)
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	8.266.480.372	-
	<hr/>	<hr/>
	7.516.480.372	(8.266.480.372)
	<hr/>	<hr/>
	9.396.933.972	(8.266.480.372)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	37.030.023.999	4.736.298.517
	<hr/>	<hr/>
Thuế theo thuế suất của Công ty	9.257.506.000	1.184.074.629
Chi phí không được khấu trừ thuế	139.427.972	82.190.828
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(1.266.265.457)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	-	(8.266.480.372)
	<hr/>	<hr/>
	9.396.933.972	(8.266.480.372)

(c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 25%.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

26. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 27.633.090.027 VNĐ (2009: 13.002.778.889 VNĐ) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 29.457.534 cổ phiếu (2009: 12.333.333 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận thuần trong năm	27.633.090.027	13.002.778.889

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	13.500.000	10.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	15.957.534	2.333.333
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	29.457.534	12.333.333

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông là 27.633.090.027 VNĐ (2009: 13.002.778.889 VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng là 29.457.534 (2009: 28.833.333), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (cơ bản và suy giảm)	27.633.090.027	13.002.778.889

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)

	2010	2009
	VND	VND
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	29.457.534	12.333.333
Ảnh hưởng của số cổ phiếu đợi phê duyệt	-	16.500.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	<u>29.457.534</u>	<u>28.833.333</u>

27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Giá trị giao dịch	
		2010	2009
		VND	VND
CX Technology (Cayman) Corporation	Cổ đông chính		
Thu tiền mặt		-	80.850.000.000
CX Technology (Vietnam) Corporation	Công ty liên quan		
Thu phí môi giới		37.014.562	75.371.697
Chi phí lãi vay		50.634.411	-
Thu nhập lãi vay		93.464.643	3.244.318
Bà Nguyễn Hồng Mai	Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thu nhập lãi vay		226.884	-
Chi phí cho thuê		1.501.317.748	918.416.796
Thu phí môi giới		12.561.653	11.598.444
Thu tiền mặt		-	9.166.670.000
Bà Trần Thị Quỳnh Mai	Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thu tiền mặt		-	13.000.000.000
Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Tín	Công ty liên quan		
Thu ký quỹ		60.000.000.000	-
Thu phí tư vấn		2.230.000.000	-
Chi phí lãi vay		3.442.740.798	-
Chi trả mua cổ phiếu Bảo Tín		31.704.977.747	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Quang Huy	Cổ đông chính		
Thu tiền mặt		-	34.760.670.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

28. Biến động các khoản phải thu

Loại hình	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	Số khó đòi VND	Số dự phòng đã lập
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND			
1. Phải thu khách hàng	9.242.500	-	3.093.320.929	(3.102.563.429)	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	2.004.021.667	-	18.804.869.395	(20.514.099.496)	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	155.655.559.344	-	7.559.687.130.485	(7.362.318.556.244)	353.024.133.585	3.000.000.000	(3.000.000.000)
4. Phải thu khác	2.700.945.604	-	88.121.576.384	(81.509.244.509)	9.313.277.479	-	-
	160.369.769.115	-	7.669.706.897.193	(7.467.444.463.678)	362.632.202.630	3.000.000.000	(3.000.000.000)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

29. Các cam kết

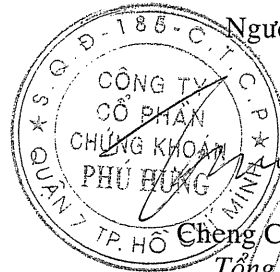
Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.983.983.408	12.460.232.736
Từ hai đến năm năm	17.560.989.146	17.700.327.401
Trên năm năm	-	717.388.826
	<hr/>	<hr/>
	28.544.972.554	30.877.948.963

Người lập:

Nguyễn Thị Ngọc Thùy
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Cheng Chang Chong
Tổng Giám đốc

17 FEB 2011

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100